

QUAN ĐIỂM KHOA HỌC CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG THUỘC ĐỊA

THS PHẠM QUỐC THÀNH *

Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa. Người cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản (GCVS) thế giới và đặc biệt là vận mệnh của GCVS ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa; cuộc cách mạng giải phóng dân tộc (GPDT) ở thuộc địa và cuộc cách mạng giải phóng GCVS ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau trong sự nghiệp chung tiêu diệt CNDQ. Người còn chỉ rõ, trong mối quan hệ đó, cách mạng thuộc địa có tính chủ động, không phụ thuộc vào cách mạng chính quốc, mà có thể giành thắng lợi trước và “trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹.

Vậy dựa trên những cơ sở nào mà Hồ Chí Minh nêu ra quan điểm đó, trong khi có nhiều quan điểm khác, thậm chí của QTCS và một số ĐCS ở các nước đế quốc còn coi thường vai trò của cách mạng GPDT ở các thuộc địa và cho rằng nó phải phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở các nước TBCN tiên tiến? Qua nghiên cứu các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX, chúng ta có thể tìm thấy những kiến giải cho nhận định trên.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh nhận thức rằng sự áp bức của đế quốc thực dân đối với thuộc địa nặng nề hơn so

với nhân dân lao động ở chính quốc. Trong bài *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa*, đăng trên báo *Nhân đạo*, ngày 25-5-1922, Người chỉ rõ, trong những luận cương về vấn đề thuộc địa, Lênin đã tuyên bố rõ nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc. Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là gì, phải biết những việc gì đã xảy ra ở thuộc địa, “biết rõ nỗi đau khổ - hàng nghìn lần đau khổ hơn công nhân ở chính quốc - những người anh em của họ, những người vô sản thuộc địa phải chịu đựng”². Tại Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế nông dân, Hồ Chí Minh đã nêu rõ nỗi thống khổ của nông dân trong các thuộc địa của Pháp, họ “bị hai tầng bóc lột: vừa như những người vô sản, vừa như những người bị mất nước”³. Người còn đưa ra hình ảnh người nông dân Việt Nam giống như một người bị trói vào một chiếc cột, đầu ngược xuống đất; họ không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột, mà họ còn bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, nhà thờ và tên lái buôn. Còn khi so sánh sự bóc lột của bọn đế quốc đối với nông dân ở chính quốc và thuộc địa, thì Người khẳng định rằng “nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn”⁴. Và dù là nông dân An Nam hay nông dân ở các thuộc địa khác thì họ đều bị bọn đế quốc thực dân và tay sai của nó bóc lột một cách thậm tệ. Trong bài *Nông dân Bắc Phi*, Hồ Chí Minh chỉ rõ, cũng như những người anh em của họ là nông dân An Nam, nông dân châu Phi phải chịu cảnh

* Trường Đại học xây dựng.

cơ cực không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề, sự cùng khổ của họ không sao tả xiết. Rõ ràng, vì bị áp bức nặng nề như vậy nên nhân dân thuộc địa, trong đó đông đảo nhất là công nhân, nông dân... luôn tiềm ẩn một sự phản kháng mãnh liệt và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến.

Thứ hai, Hồ Chí Minh nhận thức rõ sự áp bức tàn bạo của CNDQ thực dân tác động đến sự phản kháng, đấu tranh dân tộc mãnh liệt của các dân tộc bị nô dịch. Trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương, năm 1928, trong bài *Chủ nghĩa tư bản đế quốc Pháp ở Đông Dương* gửi cho tạp chí *Thư tín quốc tế* (Inprecorr), Hồ Chí Minh chỉ rõ: sự phát triển của CNTB thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó GCVS; điều đó có nghĩa là nó đã tạo ra giai cấp công nhân trong lòng xã hội thuộc địa - lực lượng có khả năng thủ tiêu CNDQ và Người khẳng định: “Việc đã tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người An Nam biết sử dụng súng ống là một bằng cứ chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình”⁵.

Nhân dân Đông Dương nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng, trong đó có công nhân, nông dân và các giai cấp, tầng lớp khác, dưới ách thống trị của bọn đế quốc thực dân đã không còn bất kỳ một quyền nào cả kể cả quyền sống. Trong bài *Đông Dương khó nhục*, viết năm 1928, Hồ Chí Minh tố cáo rằng, ở Đông Dương giết người là việc xảy ra hàng ngày, từ người đại diện tối cao của Nhà nước chính quốc đến những tên thực dân bình thường, ai nấy cũng tự ý và đua nhau giết hại, bóc lột đến tận xương tuỷ dân tộc đã bị chinh phục này. Chính sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết; vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khoá, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc. Phong trào cách mạng An Nam làm cho đế quốc Pháp

phải run sợ. Cho nên, chúng dùng khủng bố trắng hồng tiêu diệt cách mạng An Nam. Sự tàn bạo của thực dân Pháp chẳng những không thể tiêu diệt được sức sống của người An Nam, mà trái lại nó làm cho mâu thuẫn dân tộc ngày càng trở nên gay gắt, sự phản kháng dân tộc ngày càng mãnh liệt. Theo Hồ Chí Minh, “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”⁶.

Thứ ba, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng quyết định của thuộc địa đối với sự tồn tại của CNDQ thực dân. Ngay vào cuối năm 1920, trong *Lời phát biểu tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng xã hội Pháp*, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Đảng xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức... Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa”⁷. Song, Người lấy làm tiếc về tình trạng thờ ơ của GCVS chính quốc đối với các thuộc địa vẫn hết sức phổ biến, như Người đã viết trong bài *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa*, đăng trên báo *Nhân đạo* (25-5-1922): “Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng tượng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đầy cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến”⁸.

Từ sự phân tích ảnh hưởng của các thuộc địa đối với sự sống còn và phát triển của CNTB đế quốc, Người cho rằng hiện nay, tất cả sinh lực của CNTB quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Người sử dụng hình ảnh con rắn độc để minh họa một cách sinh động về vai trò quan trọng của các thuộc địa đối với sự tồn tại của CNDQ và khẳng định hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc TBCN đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; cung cấp binh lính cho quân đội của CNDQ. Theo Hồ Chí Minh, nếu chúng ta muốn đánh đổ các nước ĐQCN, thì trước hết chúng ta phải làm cho chúng không còn thuộc địa nữa.

Để minh chứng rõ hơn cho vai trò quan trọng của thuộc địa đối với đế quốc Pháp, Hồ Chí Minh đã đưa ra dẫn chứng cụ thể: “Không kể những “khu vực uỷ trị” mới lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có: ở châu Á, 450.000 km²; ở châu Phi, 3.541.000 km²; ở châu Mỹ, 108.000 km²; ở châu Đại Dương, 21.000 km². Tổng cộng: 4.120.000 km² (gần gấp tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số là 47.000.000 người”⁹. Cũng theo Hồ Chí Minh, trong số 150 trung đoàn của quân đội Pháp, có 10 trung đoàn người da trắng ở các thuộc địa, nghĩa là những người nửa bản xứ; 30 trung đoàn người châu Phi và 39 trung đoàn người bản xứ các thuộc địa khác. Như vậy, một nửa số quân đội Pháp là tuyển mộ ở các thuộc địa. Còn trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Năm 1924, Hồ Chí Minh đã cho thấy một sự thật khủng khiếp: 9 nước tư bản thực dân với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km² bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km². Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các nước chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa. Theo Hồ Chí Minh, “Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi số dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người”¹⁰. Rõ ràng, CNĐQ hiện đại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa”¹¹.

Thứ tư, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được tiềm năng to lớn của cách mạng thuộc địa. Sinh trưởng ở một nước thuộc địa, lại được trải qua thực tiễn phong phú của cuộc sống ở thuộc địa Việt Nam cũng như nhiều thuộc địa khác, nên Hồ Chí Minh sớm có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về vấn đề dân tộc thuộc địa, thấy được sức mạnh vĩ đại trong các dân tộc thuộc địa. Người đã sớm nhận thức rõ tiềm năng cách mạng của các dân tộc bị áp bức là rất to lớn, nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một lực lượng khổng lồ một khi họ được giác ngộ và tổ chức. Năm 1921, trong bài *Phong trào công sản quốc tế*, đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 15, Hồ Chí Minh đã viết: “Người châu Á - tuy bị người phương Tây coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại”¹². Người tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân thuộc địa sẽ vùng lên đánh đổ ách thống trị ngoại bang và dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ”¹³. Theo Hồ Chí Minh, nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Người phê phán quan điểm cho rằng người Đông Dương cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bây giờ người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội; đồng thời khẳng định rằng, mặc dầu “Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm,... người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng

nò một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”¹⁴. Người chỉ rõ rằng Việt Nam là một dân tộc có truyền thống lịch sử lâu đời, nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, bất khuất; tổ tiên ta đã nêu bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Trong các cuộc kháng chiến chống các đội quân xâm lược lớn của ngoại bang, nước Nam ta đã chiến thắng được chính là “nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh”¹⁵. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước, chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối, cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc, nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917. Do vậy, “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản” là một “chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”¹⁶.

Trên cơ sở nhận thức sức mạnh và tiềm năng to lớn của các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, Hồ Chí Minh đã khẳng định cuộc cách mạng ở thuộc địa là do những nhân tố bên trong quyết định chứ không phải do nhân tố bên ngoài. Ngay từ sớm, Hồ Chí Minh đã chỉ cho các dân tộc đang rên xiết dưới ách đế quốc thực dân rằng “Họ có sẵn một lực lượng cách mạng to lớn mà họ chưa biết”¹⁷. Theo Người, trong cuộc đấu tranh lật đổ ách đế quốc thực dân, giành độc lập tự do, dù lực lượng bên ngoài có trợ giúp đến đâu, song vấn đề cốt yếu đảm bảo cho cách mạng thuộc địa thắng lợi phải là lực lượng bên trong. Lời kêu gọi trong Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa do Hồ Chí Minh thảo ra đã thể hiện rõ quan điểm này của Người: “Hỡi anh em ở các

thuộc địa!... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”¹⁸. Quan điểm đó sau này lại được Hồ Chí Minh khẳng định lại trong Tuyên ngôn của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (7-1925) rằng: “Muốn vượt qua vòng nô lệ, chúng ta chỉ có thể cậy vào sức của mình mà thôi”¹⁹.

Thứ năm, Hồ Chí Minh nhận thức rõ vai trò ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới đối với các thuộc địa nói chung, cũng như đối cách mạng Đông Dương nói riêng. Theo Hồ Chí Minh, Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới thực sự cách mạng trong các nước thuộc địa, đã tìm ra những phương pháp có hiệu quả để tiến hành có kết quả công tác trong các nước thuộc địa và nhấn mạnh là cần phải sử dụng phong trào cách mạng dân tộc ở các nước này. “Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc phức tạp ở nước Nga Xôviết, việc đảng cộng sản thực hiện trong thực tiễn vấn đề này là một vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ nhất trong các nước thuộc địa”²⁰. Mặt khác, trên cơ sở phân tích hoàn cảnh lịch sử, địa lý và phong trào cách mạng các nước hiện đang là thuộc địa, nhất là ở châu Á, Hồ Chí Minh đã nhận thấy những điều kiện dễ dẫn đến bùng nổ một cuộc cách mạng sâu rộng đang được chuẩn bị tích cực. Chẳng hạn như ở Trung Quốc, trước kia và hiện nay vẫn là con bò sữa của tư bản Âu, Mỹ. Nhưng sự thành lập chính quyền của nhà cách mạng Tôn Dật Tiên ở phía Nam, đã hứa hẹn với chúng ta một nước Trung Hoa được tổ chức lại và vô sản hoá. Có thể hy vọng một cách không quá đáng rằng, trong một tương lai gần đây, nước Trung Hoa mới và nước Nga công nhân - sẽ nắm tay nhau trong tình hữu nghị để tiến lên. Còn nước Triều Tiên nghèo đói đang ở trong tay CNTB Nhật, xứ Ấn Độ đông dân và giàu có đang bị đè nặng dưới ách bọn bóc lột người Anh, nhưng ý chí giải phóng đang làm sục sôi tất cả những người bị áp bức đó, và một cuộc cổ động cách

mạng sôi nổi đang lay chuyển tinh thần Ấn Độ và Triều Tiên. Tất cả mọi người đều chuẩn bị một cách từ từ nhưng khôn khéo cho cuộc đấu tranh giải phóng. Và “luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương”²¹; phong trào cách mạng Đông Dương đang vươn lên mạnh mẽ. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, những yếu tố lịch sử, địa lý của phương Đông thuộc địa, cùng với sự ảnh hưởng không gì ngăn cản nổi của phong trào cách mạng thế giới, đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào GPDT thuộc địa sớm đi đến thành công.

Với những cơ sở trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về khả năng giành thắng lợi của cách mạng thuộc địa trước cách mạng chính quốc và nhân dân thuộc địa có thể đứng lên tự giải phóng cho mình đã dựa trên những luận cứ khoa học vững chắc và đầy sức thuyết phục. Khẳng định tính chủ động của cách mạng thuộc địa, Hồ Chí Minh kêu gọi giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc địa phải nêu cao tính tích cực chủ động, độc lập và ý chí tiến công cách mạng, không trông chờ, ý lại vào kết quả thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc mà phải dựa trước hết vào lực lượng của chính mình, chủ động vùng dậy đấu tranh tự giải phóng cho mình; và hơn nữa, bằng thắng lợi của mình, họ có thể đóng góp vào sự nghiệp giải phóng GCVS ở chính quốc. Đây là quan điểm có giá trị khoa học và có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng, là cơ sở để Hồ Chí Minh tin tưởng và quyết tâm, tích cực, chủ động tổ chức nhân dân ta vùng lên để tự cởi bỏ xiềng xích nô lệ đế quốc thực dân. Quan điểm này chính là cơ sở của sự đoàn kết chiến đấu của lực lượng cách mạng dân tộc, đồng thời là cơ sở tư tưởng của chiến lược đoàn kết quốc tế vô sản, của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, bền chặt. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chứng minh tính đúng đắn của quan điểm Hồ Chí Minh về tính chủ động, tất yếu của cách mạng thuộc địa.

Chú thích:

1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.1, tr. 36, 63, 208, 212, 28, 23, 63, 62, 227, 35, 36, 28, 80, 467, 301, 28.

5, 11, 18, 19, 20. *Sđd*, T.2, tr. 361, 126, 127-128, 438, 220.



Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam...

(Tiếp theo trang 51)

xuyên của toàn Đảng, toàn dân, mà trước hết là các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp, “đặc biệt là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các đơn vị”.

Chú thích:

1. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr. 137-138.

2. Theo số liệu của Chính phủ. Dẫn theo *Thông tin khoa học xã hội*, số 3-2003, tr. 21.

3. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr. 64.

4. Xem *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, CTQG, H, 2003, tr. 202-209.

5. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr. 765.

6, 7. Theo Báo cáo số 31/TLHN ngày 26-10-2001 của Bộ chính trị tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Khóa IX *Về tiếp tục thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) Khóa VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí*.

8. Theo tuần báo *Quốc tế*, số 43, từ ngày 27-10 đến 27-11-2003, tr. 1.

9. Xem Võ Văn Kiệt: “Không chống tham nhũng một cách hình thức”. *Báo Lao động*, ngày 24-9-2005, tr. 6.

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1996, T.6, tr. 489-490.